

TH A THU N
GI A V N PHÒNG KINH T VÀ V N HÓA
VI T NAM T I ÀI B C VÀ
V N PHÒNG KINH T VÀ V N HÓA ÀI B CT I VI T NAM
V T NG TR T PHÁP V CÁC V N DÂN S

V n phòng Kinh t và V n hóa Vi t Nam t i ài B c và V n phòng Kinh t và V n hóa ài B c t i Vi t Nam (sau ây g ì là hai Bên),

Nh m m c ích t ng c ng h p tác trong l nh v c t ng tr t pháp v dân s , trên c s bình ng và cùng có l i;

ã th a thu n nh ng i u đ i ây:

Ch ng I

Nh ng quy nh chung

i u 1

Ph m vi t ng tr

1. Theo quy nh c a Th a thu n này, hai Bên th c hi n vi c t ng tr t pháp cho nhau v các v n dân s sau ây:
 - a) T ng t gi y t ;
 - b) Xác minh, và thu th p ch ng c ;
 - c) Công nh n và cho thi hành b n án, quy t nh c a Tòa án v các v n dân s và phán quy t c a Tr ng tài;
 - d) Các v n khác theo qui nh c a Th a thu n này.
2. Thu t ng “các v n dân s ” c nêu trong Th a thu n này bao g m các v n v dân s , th ng m i, hôn nhân, gia ình và lao ng.
3. Thu t ng “các c quan có th m quy n” c nêu trong Th a thu n này ngh a là Tòa án, c quan ki m sát và các c quan khác có th m quy n v i các v n dân s .

i u 2

B o h pháp lý

1. Cá nhân c a m t Bên c h ng trên lãnh th c a Bên kia s b o h pháp lý i v i các quy n nhân dân và tài s n nh cá nhân c a Bên kia và có quy n liên h và th c hi n các hành vi t t ng t i Tòa án và các c quan khác có th m quy n v i các v n dân s theo cùng các i u ki n dành cho cá nhân c a Bên kia.
2. Nh ng quy nh t i kho n l i u này c ng áp d ng i v i pháp nhân và t ch c khác có th tham gia t t ng pháp lý v i t cách ng s c thành l p trên lãnh th c a m t trong hai Bên theo qui nh c a pháp lu t Bên ó.

i u 3

Gi m ho c mi n án phí và tr giúp pháp lý

1. Cá nhân c a m t Bên c gi m ho c mi n thanh toán án phí và c cung c p tr giúp pháp lý mi n phí trên lãnh th c a Bên kia theo cùng các i u ki n và m c nh i v i cá nhân c a Bên kia.
2. N u n ngh gi m ho c mi n án phí ho c ngh tr giúp pháp lý mi n phí c quy t nh c n c vào tình tr ng tài chính c a ng i ngh , thì gi y xác nh n tình tr ng tài chính ph i do các c quan có th m quy n c a Bên n i ng i ngh th ng trú ho c c trú c p. N u ng i ngh không có n i th ng trú ho c c trú c hai Bên thì gi y xác nh n tình tr ng tài chính có th do c quan có th m quy n n c ngoài c ch nh c a Bên ó c p.
3. Cá nhân c a m t Bên ngh gi m ho c mi n án phí ho c ngh tr giúp pháp lý mi n phí theo quy nh t i kho n l i u này, có th n p n ngh cho c quan có th m quy n c a Bên n i ng i này th ng trú ho c c trú. C quan có th m quy n này ph i chuy n n ngh kèm theo gi y xác nh n c c p theo qui nh t i kho n 2 i u này n c quan có th m quy n c a Bên kia. Ng i ngh c ng có th n p n tr c t i p cho c quan có th m quy n c a Bên kia.

i u 4

Cách thức liên hệ

Vì mục đích rõ ràng hoặc thể hiện yêu cầu thực tế pháp, hai Bên phải liên hệ với nhau thông qua các quan có thẩm quyền của chính mình, trừ trường hợp Thỏa thuận này có quy định khác.

i u 5

Ngôn ngữ

Mọi yêu cầu thực tế pháp và bất kỳ tài liệu nào kèm theo các lập trên của Thỏa thuận này, phải kèm theo một bản dịch có chính xác bằng ngôn ngữ chính thức của Bên yêu cầu hoặc sang tiếng Anh.

i u 6

Chi phí thực hiện pháp

1. Hai Bên phải thể hiện thực hiện pháp miễn phí cho nhau.
2. Các chi phí liên quan tới việc làm chính, người giám sát của một Bên thể hiện theo quy định điều 12 Thỏa thuận này.
3. Nếu vì các thể hiện một yêu cầu thực tế pháp đòi hỏi chi phí bất thường, hai Bên phải tham vấn ý kiến quy định điều kiện cho các thể hiện yêu cầu thực tế pháp đó.

i u 7

Yêu cầu thực hiện pháp

1. Yêu cầu thực hiện pháp phải có nội dung và bản bao gồm những nội dung sau:
 - a) Ngày, tháng, năm yêu cầu;
 - b) Tên và địa chỉ các quan yêu cầu;
 - c) Tên và địa chỉ các quan yêu cầu;

- d) Họ tên, giới tính, nghề nghiệp, nơi sinh, địa chỉ cá nhân, họ tên và địa chỉ quan hệ có liên quan;
- e) Mô tả vị trí, các văn kiện yêu cầu và các thông tin khác liên quan đến yêu cầu đăng ký.
2. Nếu Bên yêu cầu nhận thông tin trong yêu cầu đăng ký pháp chế yêu cầu thì Bên yêu cầu phải cung cấp thông tin bổ sung cần thiết.
3. Yêu cầu đăng ký pháp chế và các tài liệu kèm theo phải do cơ quan yêu cầu ký và đóng dấu.

Điều 8

Thẩm quyền yêu cầu đăng ký pháp chế

1. Bên yêu cầu phải thẩm định yêu cầu đăng ký pháp chế theo pháp luật của mình.
2. Bên yêu cầu có thể thẩm định yêu cầu đăng ký theo cách thức mà Bên yêu cầu nghĩ, nếu không trái với pháp luật của mình.

Điều 9

Tình huống thẩm định yêu cầu đăng ký pháp chế

1. Một yêu cầu đăng ký pháp chế có thể bị thẩm định Bên yêu cầu nhận thấy vị trí thẩm định yêu cầu có thể gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự công, nghiêm nguyên tắc công bố của pháp luật và lợi ích thị trường của mình. Bên yêu cầu phải thông báo lý do thẩm định cho Bên yêu cầu.
2. Một yêu cầu đăng ký pháp chế có thể hoãn thẩm định nếu Bên yêu cầu nhận thấy vị trí thẩm định ngay yêu cầu có thể gây cản trở hoạt động xử lý hình sự hoặc truy tố của mình đang tiến hành. Bên yêu cầu phải thông báo lý do hoãn cho Bên yêu cầu.

Điều 10

Chuyên giao tín và vật

Việc chuyên giao tín và vật trên cơ sở Thỏa thuận này thuộc thẩm quyền của thẩm định Bên sang thẩm định Bên kia phải phù hợp với pháp luật của Bên chuyên giao và chuyên giao tín và vật trả nợ ngoài.

i u 11

Tri u t p ng i làm ch ng và ng i giám nh

1. N u s có m t c a ng i làm ch ng ho c ng i giám nh t i c quan t pháp c a Bên yêu c u c cho là c n thi t, Bên yêu c u ph i nêu trong yêu c u t ng t gi y tri u t p các chi phí có th thanh toán, i u ki n và th i h n thanh toán cho ng i làm ch ng và ng i giám nh.
2. Gi y tri u t p ph i c g i cho Bên c yêu c u không ch m h n 60 ngày tr c ngày ng i c tri u t p ph i có m t t i c quan t pháp c a Bên yêu c u.
3. Bên c yêu c u ph i t ng t gi y tri u t p n ng i có liên quan và thông báo cho Bên yêu c u ý ki n c a ng i c tri u t p.

i u 12

B o v ng i làm ch ng và ng i giám nh

1. Ng i làm ch ng ho c ng i giám nh có m t t i c quan t pháp có th m quy n c a Bên yêu c u theo quy nh c a Th a thu n này, không b truy t hình s , b b t giam ho c ch u các hình th c h n ch t do cá nhân khác trên lãnh th c a Bên yêu c u vì hành vi ph m t i ho c hành vi b k t án tr c khi r i kh i lãnh th c a Bên c yêu c u. Ng i này c ng không b truy t , b b t giam ho c b tr ng ph t do l i khai làm ch ng ho c b n k t lu n chuyên môn úng s th c c a mình.
2. S b o v theo kho n l i u này ch m đ t khi ng i làm ch ng ho c ng i giám nh ã có c h i r i kh i lãnh th c a Bên yêu c u mà v n còn l i ho c tr l i, trong th i h n 7 ngày, k t ngày ng i này c c quan có th m quy n thông báo r ng s có m t c a ng i này là không còn c yêu c u n a. Th i h n này không bao g m th i gian mà ng i làm ch ng ho c ng i giám nh không th r i lãnh th c a Bên yêu c u vì lý do n m ngoài s ki m soát c a ng i này.
3. Ng i làm ch ng ho c ng i giám nh c c quan t pháp có th m quy n tri u t p theo quy nh t i kho n l i u này ph i c thanh toán chi phí i l i, n, và t i n tiêu v t trong th i gian h có m t t i lãnh th c a Bên yêu c u. Ng i giám nh còn c thanh toán t i n thù lao k t lu n chuyên môn. Gi y tri u t p ph i ghi rõ m c thanh toán cho ng i giám nh. N u ng i c tri u t p yêu c u t m ng tr c các chi phí c a mình, c quan t pháp có th m quy n c a Bên yêu c u t m ng tr c m t kho n t i n cho ng i này thanh toán các chi phí c a ng i ó.
4. Ng i làm ch ng ho c ng i giám nh nh n c gi y tri u t p có th t ch i vi c tuân theo. Bên c yêu c u không có quy n áp d ng b t k bi n pháp c ng ch nào bu c ng i ó tuân theo gi y tri u t p.

i u 13

T ng t gi y t cho cá nhân c a Bên mình

1. C quan t pháp c a m t Bên có th t ng t gi y t cho cá nhân c a Bên mình ang c trú trên lãnh th c a Bên kia, thông qua V n phòng Kinh t và V n hóa c a Bên mình.
2. Trong vi c t ng t gi y t theo qui nh t i kho n 1 i u này, V n phòng Kinh t và V n hóa không có quy n áp d ng các bi n pháp c ng ch i v i ng i nh ng i y t .

i u 14

Trao i thông tin pháp lu t

1. Hai Bên, theo yêu c u, ph i cung c p cho nhau nh ng thông tin v pháp lu t hi n hành, các v n b n c công khai c a các c quan có th m quy n và th c t i n thi hành pháp lu t trên lãnh th c a mình.
2. M t yêu c u cung c p thông tin ph i nêu tên c quan yêu c u c ng nh m c ích c a vi c yêu c u.

i u 15

Mi n h p pháp hóa

Trong khi th c hi n Th a thu n này, các tài li u và b n d ch không ph i h p pháp hóa đ i b t c hình th c nào, v i i u ki n là chúng c ký và óng d u chính th c.

i u 16

T ng tr t pháp khi có nhi u yêu c u cùng lúc

1. Khi Bên c yêu c u nh n c nhi u yêu c u t ng tr t pháp v cùng m t v n , m t trong s ó là t m t Bên, thì Bên c yêu c u ph i quy t nh yêu c u nào c th c hi n.
2. Khi quy t nh yêu c u nào c th c hi n, Bên c yêu c u ph i cân nh c t t c các y u t liên quan, c th là:
 - a) Ngày nh n c yêu c u;
 - b) B n ch t c a v n c yêu c u;
 - c) nh h ng c a vi c th c hi n m t yêu c u này i v i m t yêu c u khác; và
 - d) Th i gian c n thi t th c hi n yêu c u này.
3. Bên c yêu c u ph i thông báo cho Bên yêu c u v s t n t i c a các yêu c u cùng lúc liên quan n cùng v n và quy t nh c a mình.

Chương II
Tổng hợp pháp và các văn bản dân sự

Điều 17

Tổng hợp giấy tờ

1. Bên yêu cầu phải tổng hợp pháp và các giấy tờ có liên quan kèm theo, theo yêu cầu.
2. Giấy tờ có nội dung pháp lý thành 02 bộ và chuyển sang ngôn ngữ của Bên yêu cầu hoặc tiếng Anh và gửi kèm theo yêu cầu tổng hợp.
3. Bên yêu cầu, sau khi tổng hợp giấy tờ, phải gửi cho Bên yêu cầu xác nhận tổng hợp giấy tờ trong đó ghi rõ ngày, địa điểm và biện pháp tổng hợp, có chữ ký và dấu của cơ quan tổng hợp đã thực hiện tổng hợp giấy tờ. Nếu việc tổng hợp giấy tờ không thực hiện được thì Bên yêu cầu phải thông báo lý do cho Bên yêu cầu.

Điều 18

Xác minh và thu thập chứng cứ

1. Theo yêu cầu, hai Bên phải hỗ trợ cho nhau trong việc xác minh, đánh giá giá trị, thu thập chứng cứ và thực hiện các hành vi tố tụng cần thiết tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ.
2. Ngoài quy định tại Điều 7 của Thỏa thuận này, yêu cầu xác minh và thu thập chứng cứ còn phải bao gồm các nội dung sau:
 - a) Các câu hỏi cho người khai báo hoặc thông báo viên ngôn ngữ nội dung văn bản khai;
 - b) Giấy tờ hoặc tài sản cần kiểm tra.
3. Bên yêu cầu phải thông báo bằng văn bản cho Bên yêu cầu kiểm tra thực hiện yêu cầu xác minh, thu thập chứng cứ, kèm theo chứng cứ đáng tài liệu.

Chương III
Công nhận và cho thi hành bản án, quyết định và phán quyết Trọng tài

Điều 19
Công nhận và cho thi hành bản án, quyết định

Theo các điều kiện nêu trong Thỏa thuận này, một Bên phải công nhận và cho thi hành trên lãnh thổ của Bên mình bản án, quyết định sau đây của Bên kia tuyên:

- a) Bản án và quyết định dân sự, bao gồm những không ghi nhận về bản án và quyết định của Tòa án về các vấn đề như hôn nhân, lao động, hôn nhân, gia đình và các bản án, quyết định khác nêu trong Thỏa thuận này;
- b) Quyết định về quyền tài sản trong bản án hình sự.

Điều 20
Điều kiện công nhận và cho thi hành

Bản án, quyết định nêu tại Điều 19 của Thỏa thuận này phải công nhận và cho thi hành nếu các điều kiện sau đây đáp ứng:

- a) Bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật và là cuối cùng theo pháp luật của Bên yêu cầu và có thể thi hành theo pháp luật của Bên đã tuyên bản án hoặc quyết định đó;
- b) Bản án hoặc quyết định do cơ quan có thẩm quyền nêu trong Thỏa thuận này và pháp luật của Bên yêu cầu đưa ra;
- c) Bản án hoặc quyết định về dân sự của Bên yêu cầu đã có hiệu lực pháp luật và không trái với pháp luật của Bên yêu cầu; hoặc Tòa án của Bên yêu cầu chấp thuận công nhận và cho thi hành quyết định đã có hiệu lực do một thẩm phán tuyên với cùng một vấn đề; hoặc vấn đề chấp thuận của thẩm phán Tòa án của Bên yêu cầu;
- d) Bản án hoặc quyết định do Tòa án tuyên khi các quy định của các nước có liên quan đã được thỏa thuận;
- e) Bên yêu cầu nhận thấy rằng việc công nhận và cho thi hành bản án hoặc quyết định đó không gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự công cộng không trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật của mình.

Đ i u 21
N p y ê u c u

1. Y ê u c u c ô n g n h ã n v à c h o t h i h à n h b ã n á n h o c q u y t ã n h c a T o à á n c ó t h ã m d o c á c b ê n ã n g s ã g i t r c t i p c h o T o à á n c ó t h ã m q u y n c ô n g n h ã n v à c h o t h i h à n h b ã n á n , q u y t ã n h ó .
2. N g o à i c á c q u y ã n h t i ã i u 7 c a T h ã t h u n ã y , y ê u c u c ô n g n h ã n v à c h o t h i h à n h q u y t ã n h c a t o à á n p h i k ã m t h e o :
 - a) B ã n s a o y ã q u y t ã n h ã c c h ã n g t h c v à n h ã n g t à i l i u x á c n h ã n q u y t ã n h ó ã c ó h i u l c p h á p l u t v à l à c u i c ù n g ;
 - b) T à i l i u x á c n h ã n v i c B ê n v ã n g m t ã c t r i u t p h p l , t r o n g t r ã n g h p q u y t ã n h ã c t u y ê n v ã n g m t ;
 - c) T à i l i u h o c v ã n b ã n m ô t x á c n h ã n b ê n ã n g s k h ô n g c ó n ã n g l c h à n h v i d à n s ã c ó i d i n h p p h á p .
3. Y ê u c u c ô n g n h ã n v à c h o t h i h à n h b ã n á n h o c q u y t ã n h v à c á c g i y t k ã m t h e o p h i c l p t h à n h h a i b .

Đ i u 22
T h ã t c c ô n g n h ã n v à c h o t h i h à n h b ã n á n , q u y t ã n h c a T o à á n

1. M t B ê n p h i á p d ã n g p h á p l u t c a m ã n h t r o n g v i c c ô n g n h ã n v à c h o t h i h à n h q u y t ã n h d o T o à á n c a B ê n k i a t u y ê n .
2. T o à á n c a B ê n c y ê u c u p h i g i i h n t r o n g v i c x e m x é t s á p ã n g c á c i u k i n c ã n ê u t r o n g T h ã t h u n ã y , v à k h ô n g x e m x é t l i n i d u n g c a q u y t ã n h ó .

Đ i u 23
H i u l c c a v i c c ô n g n h ã n v à c h o t h i h à n h

B ã n á n h o c q u y t ã n h d o T o à á n c a m t B ê n t u y ê n ã c T o à á n c a B ê n k i a c ô n g n h ã n v à c h o t h i h à n h c ó h i u l c p h á p l u t ã n h ã n b ã n á n , q u y t ã n h d o T o à á n c a B ê n k i a t u y ê n .

Điều 24

Công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài

Mặt Bên phía công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài được tuyên trên lãnh thổ của Bên kia phù hợp với Công ước về Công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài được ngoài ký tại New York ngày 10 tháng 6 năm 1958 và pháp luật của Trọng tài của hai Bên.

Chương IV

Các điều khoản khác

Điều 25

Giới quyết bất động

Bất kỳ bất động nào phát sinh từ việc giới thích hoặc thực hiện Thỏa thuận này phải được giới quyết thông qua tham vấn giữa hai Bên.

Điều 26

Thời hạn có hiệu lực

Thỏa thuận này có hiệu lực vào ngày thứ 30 sau ngày thông báo cuối cùng về việc các Bên hoàn tất thủ tục nội bộ cần thiết để Thỏa thuận có hiệu lực.

Điều 27

Sau

Bất kỳ sai sót nào của Thỏa thuận này phải được sửa chữa giữa hai Bên.

Điều 28

Hiệu lực của Thỏa thuận

Thỏa thuận này có giá trị khi chấm dứt hiệu lực theo thông báo bằng văn bản trước 6 tháng về ý định chấm dứt của một Bên gửi cho Bên kia thông qua Văn phòng Kinh tế và Văn hóa.

Yêu cầu trình thi i m ch m đ t hi u l c c a Th a thu n ph i c th c hi n y theo Th a thu n này.

đ i u 29

đ i u kho n b sung

T ng tr t pháp không c quy nh trong Th a thu n này ph i c th c hi n theo pháp lu t v t ng tr t pháp c a Bên c yêu c u.

L p thành hai b n b ng t i ng Anh.

THAY M T

**V N PHÒNG KINH T VÀ V N HÓA
VI T NAM T I ÀI B C**

(ã ký)

THAY M T

**V N PHÒNG KINH T VÀ V N HÓA
ÀI B C T I VI T NAM**

(ã ký)

Ngày : 12/4/2010

Ngày : 12/4/2010